

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST.

Ngày: 08/5/2018.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 169/2017/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST- DS, ngày 10 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST- DS ngày 24/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn K. (Vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn a, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị H; sinh năm 1992

Địa chỉ: 45 L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Theo Giấy ủy quyền số: 004912 ngày 28/8/2017) (Có mặt)

Bị đơn: Ông Dương Văn H1 và Bà Trần Thị H.

Địa chỉ: Thôn b, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Dương Văn H và bà Trần Thị H: Luật sư Võ Đình D - Thuộc văn phòng Luật sư THT- Chi nhánh Đạt Lý – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Km số 9 xã E, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị N; Sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

2. Ông Võ Văn Đ; Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn b, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện lập ngày 30/10/ 2017 nguyên đơn ông Trần Văn K và Lê Thị T, bản tự khai ngày 12/12/2017 của bà Lê Thị T và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Lê Thị T và ông Trần Văn K có cho vợ chồng bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 vay tổng số tiền là 596.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi sáu triệu đồng*). Cụ thể vào các ngày như sau:

- Ngày 24/12/2016, bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 vay của bà T và ông K số tiền là 320.000.000 đồng, lãi suất các bên thoả thuận miệng là 01%/01 tháng. Hẹn một tháng trả đủ cả gốc và lãi.

- Ngày 02/02/2017, bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 vay thêm của bà T và ông K số tiền là 116.000.000 đồng, lãi suất các bên thoả thuận miệng là 01%/01 tháng, hẹn lúc nào bà T và ông K cần thì ông H1, bà H sẽ trả.

- Ngày 17/2/2017 (âm lịch), tức là ngày 14/03/2017 (dương lịch), bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 vay tiếp của bà T và ông K số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận miệng là 01%/01 tháng; thời hạn vay một tháng.

Mỗi lần vay tiền của bà T và ông K, thì bà H và ông H1 đều lập thành giấy vay tiền có chữ ký và chữ viết của bà H và ông H1.

Sau khi vay bà H và ông H1 đã trả được cho bà T và ông K số tiền vay gốc là 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Cụ thể:

Đối với số tiền 160.000.000đ ngày 17/2/2017 (âm lịch), tức là ngày 14/03/2017 (dương lịch), đến ngày 16/4/2017 ông H1 đã trả được cho bà T, ông K 100.000.000đ, (*Một trăm triệu đồng*) còn nợ lại 60.000.000đ;

Đối với số tiền 106.000.000đ vay ngày 02/02/2017, sau khi vay bà H, ông H1 đã trả được 70.000.000đ, còn nợ lại 46.000.000đ;

Riêng khoản vay 320.000.000đ vay ngày 24/12/2016 thì từ ngày vay đến nay bà H, ông H1 không trả được bất kỳ khoản tiền nào cả. Hiện tại bà H và ông H1 còn nợ của bà T, ông K số tiền nợ gốc còn lại là 426.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng*), mặc dù quá hạn trả nợ đã lâu, nhưng bà H và ông H1 vẫn chưa trả lại tiền cho bà T và ông K.

Do vậy, bà Lê Thị T và ông Trần Văn K nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 trả cho bà Lê Thị T và ông Trần Văn K số tiền vay gốc còn lại là 426.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng*) theo đúng như cam kết và khoản lãi suất của số tiền vay mà các bên đã thoả thuận qua mỗi lần vay tiền là 01%/01 tháng cùng với lãi suất đối với số tiền chậm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ theo mức lãi suất cơ bản mà Ngân hàng Nhà nước quy định.

**Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Trong năm 2016 tôi có làm ăn chung với bà Lê Thị T. Trong quá trình làm ăn chung với nhau tôi có vay tiền của bà T rất nhiều lần mỗi lần vay tôi đều viết giấy biên nhận cho bà T giữ. Mặt khác, rất nhiều lần tôi đứng ra ký vào mục người vay để cho người khác vay tiền của bà T. Tôi thừa nhận 03 tờ giấy vay mà bà T dùng để khởi kiện là do tôi ký và viết tên Trần Thị H, mục đích vay là để phục vụ nhu cầu trong gia đình. Tuy nhiên, các lần vay trên tôi đã trả đầy đủ các khoản nợ cho bà T.

Tôi khẳng định hiện nay tôi chỉ còn nợ của bà T và ông K số tiền vay gốc 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) cùng số tiền lãi suất hai bên thỏa thuận 2.000 đồng/ngày. Mặt khác tất cả các lần vay tiền trên chỉ có một mình tôi trực tiếp viết và ký tên người vay, còn anh H chồng tôi không hề biết việc vay mượn nói trên. Tuy nhiên, do lúc trả tiền thì do tin tưởng bạn bè làm ăn tôi đã không yêu cầu bà T và ông K viết giấy biên nhận tiền cho tôi. Lợi dụng các giấy vay tiền nói trên trong lúc tôi đi vắng, bà T thuê giang hồ đến nhà tôi ép chồng tôi ký vào giấy vay nợ 320.000.000 đồng nhưng chồng tôi không ký. Khoảng tháng 3 năm 2017 thì chồng tôi (anh H1) mới ký vào giấy vay tiền ngày 24/12/2016 với số tiền là 320.000.000đ, chứ không phải chồng tôi ký vào thời điểm vay 24/12/2016.

Nay bà T, ông K khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả cho bà T ông K số tiền 426.000.000. Quan điểm của tôi là hiện tại vợ chồng tôi chỉ còn nợ vợ chồng bà T, ông K 60.000.000 đồng tiền vay gốc. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Dương Văn H1 trình bày:*

Việc vay mượn tiền giữa vợ tôi (bà Trần Thị H) với bà Lê Thị T tôi không được biết, vợ tôi vay tiền bà T để sử dụng vào mục đích gì tôi cũng không biết. Đến tháng 3 năm 2017 bà Lê Thị T có đưa giấy vay tiền đến nhà tôi cho tôi ký. Lúc này tôi mới biết vợ tôi có vay tiền của vợ chồng bà T, ông K. Mặc dù tôi không trực tiếp đến vay tiền của bà T ông K, nhưng vì tin tưởng bà T, ông K nên tôi đã ký vào giấy vay với số tiền 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*). Đến ngày 16/4/2017 tôi đã trả cho bà T 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) số tiền còn lại thì tôi được biết vợ tôi đã đứng ra trả cho bà T, ông K.

Nay bà T, ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc tôi và vợ Trần Thị H phải trả cho bà T, ông K số tiền 426.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng*) tôi không đồng ý vì thực tế số tiền trên tôi không được biết vợ tôi vay để làm gì. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2018 người làm chứng bà Phạm Thị N trình bày:*

Tôi với bà Trần Thị H, ông Dương Văn H1 biết nhau trong công việc làm ăn, còn với bà T ông K thì không có quan hệ gì cả. Khoảng ngày 10 tháng 3 năm 2017 tại nhà bà Trần Thị H, tôi có cho bà Trần Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Tôi có nghe bà Trần Thị H bảo bà H vay tiền để trả cho bà Lê Thị T. Khi tôi giao tiền cho bà H thì tôi thấy bà Lê Thị T cũng có mặt tại nhà bà H. Sau khi tôi giao tiền cho bà H thì tôi thấy bà H mang tiền vào phòng. Còn sau đó bà H có trả tiền cho bà T hay không và trả trong khoản vay nào thì tôi không biết.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2018 người làm chứng ông Võ Văn Đ trình bày:*

Tôi là người cùng thôn với ông Dương Văn H1 và bà Trần Thị H. Tôi nhớ khoảng tháng 4 năm 2017 tại quán bắp km 47, Quốc lộ 26 lúc đó khoảng tầm 19 giờ tôi có mặt ở đó và thấy ông Dương Văn H1 có trả cho bà Lê Thị T số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tôi thấy bà T đếm tiền xong là lên xe đi không thấy ký sổ hoặc làm biên bản giao nhận gì hết, còn lý do gì mà ông H1 trả

tiền cho bà T thì tôi không biết, tôi chỉ nghe nói là ông Dương Văn H1, bà Trần Thị H có vay tiền bà Lê Thị T, còn trả 100.000.000 đồng trong khoản vay nào thì tôi không biết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tiền ngày 02/02/2017 với số tiền 46.000.000 đồng và xin rút phần yêu cầu tính lãi suất, đề nghị Tòa án buộc ông Dương Văn H1 và bà Trần Thị H trả số tiền vay gốc 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) cho bà Lê Thị T, ông Trần Văn K.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 vắng mặt không có lý do; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 đề nghị HĐXX xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 244 BLTTDS năm 2015; Điều Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Trần Văn K. Buộc ông Dương Văn H1 và bà Trần Thị H phải trả cho bà Lê Thị T và ông Trần Văn K 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) tiền vay gốc.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng vay ngày 02/02/2017 với số tiền 46.000.000đ (*Bốn mươi sáu triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay mà các bên đã thoả thuận 01%/01 tháng cùng với lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản mà Ngân hàng Nhà nước quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Trần Văn K lập ngày 30/10/ 2017, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Xét thấy tại thời điểm bà Lê Thị T và ông Trần Văn K khởi kiện, bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn b, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện K áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Dương Văn H1 vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Dương Văn H1.

Tại phiên tòa hôm nay ông H1 và bà H tiếp tục vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt ông Dương Văn H1 và bà Trần Thị H.

[2]. Xét về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T và ông Trần Văn K yêu cầu bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 cùng có trách nhiệm trả cho bà T và ông K số tiền 380.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 24/12/2016 bà Trần Thị H ông Dương Văn H1 vay của bà Lê Thị T và ông Trần Văn K số tiền 320.000.000 đồng; giấy vay tiền ngày 17/02/2017 (âm lịch) bà Trần Thị H vay của bà Lê Thị T số tiền 160.000.000 đồng. Bà H và ông H1 thừa nhận hai giấy vay tiền nói trên là do bà H và ông H1 viết và ký tên bên phía người vay. Như vậy, việc bà H ông H1 vay của ông K, bà T tổng số tiền là 480.000.000đ là đúng thực tế. Các đương sự tham gia giao dịch là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ việc làm của mình. Khi thực hiện hợp đồng vay tài sản, thì bên cho vay (bà T, ông K) và bên vay (bà Trần Thị H, ông Dương Văn H1) được lập thành văn bản và bà H, ông H1 là người trực tiếp viết và ký vào văn bản này. Bản thân bà H, ông H1 cũng thừa nhận chữ ký bên người mượn trong giấy vay nợ mà bà T, ông K dùng để khởi kiện bà là do bà ký và viết ra.

Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 cho rằng sau khi vay nợ số tiền trên của bà T và ông K thì vợ chồng chồng bà đã trả hết các khoản nợ nêu trên, chỉ còn nợ vợ chồng bà Lê Thị T, ông Trần Văn K 60.000.000 đồng tiền vay gốc. Trong đó, khi trả 100.000.000 đồng thì có ông Võ Văn Đ chứng kiến, còn khi trả 200.000.000 đồng thì có bà Phạm Thị N chứng kiến. HĐXX nhận thấy việc bà Trần Thị H, ông Dương Văn H1 cho rằng lúc trả 100.000.000 đồng cho bà Lê Thị T và ông Trần Văn K có ông Võ Văn Đ chứng kiến, việc trả tiền này đã được bà Lê Thị T, ông Trần Văn K thừa nhận và cũng được thể hiện đã trả trong khoản vay 160.000.000 đồng ngày 17/02/2017 âm lịch có nội dung *“Ngày 16 tháng 4 chị T nhận chú H 100.000.000 đồng”*. Đối với việc bà H cho rằng lúc trả 200.000.000 đồng có bà Phạm Thị N chứng kiến. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bà Phạm Thị N khai ngày 06/3/2018 thì bà N thừa nhận: Bà có cho bà H vay 200.000.000 và khi vay tiền thì bà H có nói là để trả cho bà Lê Thị T, còn việc bà H có trả tiền cho bà T hay không và trả cho khoản vay nào thì bà N không chứng kiến. Việc bà H khai vay bà N 200.000.000đ để trả cho bà T không được bà Lê Thị T thừa nhận. Đồng thời bà H cũng không có chứng cứ để chứng minh bà H đã trả cho bà T thêm 200.000.000đ. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xác định bà H và ông H1 đã trả cho bà T ông K thêm 200.000.000đ từ nguồn tiền vay của bà N. Mặt khác bà H ông H1 cũng không có chứng cứ nào để chứng minh sau khi vay tiền của ông K bà T thì ông H1 bà H đã trả hết các khoản nợ nói trên cho ông K bà T.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án bà H và ông H1 còn cho rằng đối với giấy vay tiền ngày 24/12/2016 với số tiền 320.000.000đ, thực chất ông H1 không trực tiếp đến vay tiền của bà T ông K, nhưng đến khoảng tháng 3/2017 thì bà T mới đưa giấy vay nói trên cho ông H1 ký. Theo ông H1 thì do tin tưởng bà T ông K nên ông H1 đã ký vào giấy vay với số tiền 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu*

đồng). Còn theo bà H thì bà T đã đưa giang hồ đến nhà bà H ép buộc ông H1 ký vào giấy vay nói trên. HĐXX xét thấy, ông H1 và bà H là vợ chồng, thế nhưng cùng một khoản vay nhưng ông H thì cho rằng do tin tưởng bà T nên khi thấy bà T đem giấy vay đến thì ông đã ký vào giấy vay, còn bà H lại cho rằng bà T cho giang hồ đến nhà ép ông H1 ký vào giấy vay. Như vậy, cùng một khoản nợ nhưng ông H1 bà H lại khai không thống nhất thời điểm ông H1 ký vào giấy vay. Mặt khác, ông H1 và bà H cũng không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến của mình. Do vậy, HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến này của ông H1 bà H.

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 24/12/2016 và giấy vay tiền ngày 17/02/2017, thì ông H1 bà H đã vay của ông K bà T tổng số tiền là 480.000.000 đồng. Đến ngày 16/4/2017 thì ông Dương Văn H1 đã trả cho bà T ông K được 100.000.000đ. Như vậy, bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 còn nợ của Bà Lê Thị T và ông Trần Văn K 380.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Xét thấy bà H ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại Điều 466 quy định như sau:

1. “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị T và ông Trần Văn K là hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 và Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc bị đơn bà Trần Thị H ông Dương Văn H1 phải trả cho bà Lê Thị T và ông Trần Văn K số tiền nợ gốc 380.000.000đ (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) là có cơ sở.

[3]. Ngoài số tiền trên trong đơn khởi kiện bà T ông K còn yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông H1 trả số tiền 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*), theo hợp đồng vay tiền ngày 02/02/2017 và yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay mà các bên đã thỏa thuận theo mức 01%/01 tháng cùng với lãi suất chậm trả nợ theo mức lãi suất cơ bản mà Ngân hàng Nhà nước quy định. Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn xin rút yêu cầu này, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông H1 trả cho bà T, ông K số tiền vay gốc 380.000.000 đồng, của hợp đồng vay tiền ngày 24/12/2016 và ngày 17/02/2017 âm lịch. Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 46.000.000đ (*Bốn mươi sáu triệu đồng*) của hợp đồng vay ngày 02/02/2017, yêu cầu tính lãi suất là 01%/01 tháng, và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật của nguyên đơn là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do Tòa án buộc ông Dương Văn H1, bà Trần Thị H phải trả cho bà Lê Thị T, ông Trần Văn K tổng số tiền vay gốc là: 380.000.000 đồng. Nên ông Dương Văn H1, bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*), theo mức tính 380.000.000 đồng x 5% = 19.000.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T, ông Trần Văn K số tiền 10.520.000đ (*Mười triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông Trần Văn K đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

[5]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 203; Điều 227; Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của bà Lê Thị T, ông Trần Văn K.

Buộc ông Dương Văn H1, bà Trần Thị H phải trả cho bà Lê Thị T, ông Trần Văn K số tiền 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Trần Văn K về việc buộc ông Dương Văn H1, bà Trần Thị H phải trả 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*) của hợp đồng vay ngày 02/02/2017; yêu cầu thanh toán tiền lãi theo mức 01%/01tháng và lãi suất chậm trả quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 phải chịu 19.000.000 đ (*Mười chín triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T, ông Trần Văn K số tiền 10.520.000đ (*Mười triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông Trần Văn K đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001463 ngày 16/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Lê Thị T, ông Trần Văn K và người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn: bà Võ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Trần Thị H và ông Dương Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án huyện K;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền